ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 237 /QĐ-UBND	*Rạch Giá, ngày 29 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công (lần 1) năm 2023 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá, về kế hoạch đầu tư công năm 2023 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá, về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công (lần 1) năm 2023 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 48/TTr-TCKH ngày 28 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công (lần 1) năm 2023 nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố, như sau:

Theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố	Điều chỉnh (lần 1) năm 2023	Ghi chú
Tổng kế hoạch đầu tư công: Bố trí 150.000 triệu đồng, bao gồm:	Tổng kế hoạch đầu tư công: Bố trí 150.000 triệu đồng, bao gồm:	*- Tổng mức vốn không điều chỉnh*
1. Kế hoạch đầu tư công nguồn thu chuyển mục đích: 60.000 triệu đồng, trong đó: - Chuyển tiếp: 22 CT, vốn 24.533 trđ. - Bố trí mới: 17 CT, vốn 37.467 trđ, gồm có: + QLNN: 02 CT, vốn 4.267 trđ + GT-HTKT: 03 CT, vốn 4.000 trđ + VH-Y tế: 03 CT, vốn 3.200 trđ + Môi trường: 03 CT, vốn 7.500 trđ + Giáo dục: 05 CT, vốn 14.500 trđ + Nâng cấp hẻm: 2.000 trđ	1. Kế hoạch đầu tư công nguồn thu chuyển mục đích: 60.000 triệu đồng, trong đó: - Chuyển tiếp: 21 CT, vốn 22.533 trđ. - Bố trí mới: 17 CT, vốn 37.467 trđ, gồm có: + QLNN: 02 CT, vốn 4.267 trđ + GT-HTKT: 03 CT, vốn 4.000 trđ + VH-Y tế: 03 CT, vốn 3.200 trđ + Môi trường: 03 CT, vốn 7.500 trđ + Giáo dục: 05 CT, vốn 14.500 trđ + Nâng cấp hẻm: 4.000 trđ	*- Giảm 01 danh mục, vốn giảm 2 tỷ đồng (do CT Nâng cấp đường Rạch Giá – Long Xuyên tả ngạn Phi Thông đã tất toán).* *- Vốn nâng cấp hẻm điều chỉnh 4 tỷ đồng (tăng 2 tỷ đồng)*

Theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố	Điều chỉnh (lần 1) năm 2023	Ghi chú
2. Kế hoạch đầu tư công nguồn bán trụ sở cũ đối ứng NS tỉnh: 01 CT, vốn 8.500 triệu đồng	2. Kế hoạch đầu tư công nguồn bán trụ sở cũ đối ứng NS tỉnh: 01 CT, vốn 8.500 triệu đồng	*- Không điều chỉnh*
3. Kế hoạch đầu tư công nguồn thu đấu giá Tuyến đường đê biển: 03 công trình, vốn 41.500 triệu đồng.	3. Kế hoạch đầu tư công nguồn thu đấu giá Tuyến đường đê biển: 04 công trình, vốn 41.500 triệu đồng.	*- Bổ sung 01CT nâng cấp đô thị để lập thủ tục QT,* *- Giảm vốn 01 CT Hệ thống điện ngầm tuyến dân cư đường đê biển , vốn giảm 1,5 tỷ đồng*
4. Kế hoạch đầu tư công nguồn thu quyền sử dụng đất các Khu tái định cư: Bố trí bồi thường chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật 02 dự án công trình Khu tái định cư, vốn 40.000 triệu đồng.	4. Kế hoạch đầu tư công nguồn thu quyền sử dụng đất các Khu tái định cư: Bố trí bồi thường chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật 02 dự án công trình Khu tái định cư, vốn 40.000 triệu đồng.	*- Không điều chỉnh*

(Kèm theo bảng danh mục chi tiết)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023, nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

2. Ban quản lý dự án đầu tư nâng cấp đô thị thành phố, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố và các đơn vị liên quan có trách nhiệm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đảm bảo hoàn thành tốt chỉ tiêu được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư nâng cấp đô thị thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND TP;
- Phòng TC-KH thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hôn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 1)

Nguồn vốn: Thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá

(Kèm theo Quyết định số 237 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Mã số công trình	QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ			Luỹ kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Kế hoạch năm 2023 Điều chỉnh lần 1			Chênh lệch		Ghi chú
				Số quyết định	Ngày ký	Tổng vốn		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tăng (+)	Giảm (-)	
									Chuyển tiếp	Bố trí mới		Chuyển tiếp	Bố trí mới			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=10+11*	*10*	*11*	*12=13+14*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	TỔNG CỘNG (I+II+III)					**2.520.204**	**603.158**	**150.000**	**106.033**	**43.967**	**150.000**	**104.033**	**45.967**	**3.500**	**-3.500**	
I	**NGUỒN THU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**					**206.269**	**74.729**	**68.500**	**24.533**	**43.967**	**68.500**	**22.533**	**45.967**	**2.000**	**-2.000**	
A	**PHÂN BỔ TRÍ VỐN XÂY DỰNG**					**147.669**	**34.329**	**58.000**	**24.533**	**33.467**	**56.000**	**22.533**	**33.467**	**-**	**-2.000**	
	1) Công trình chuyển tiếp					**86.469**	**34.329**	**24.533**	**24.533**		**22.533**	**22.533**	**-**	**-**	**-2.000**	
	a) Giao thông - công cộng					**64.036**	**21.337**	**17.120**	**17.120**		**15.120**	**15.120**	**-**	**-**	**-2.000**	
1	Đường Kênh Bà Ngò - Vĩnh Thông	Vĩnh Thông	7901825	1379	26/10/2019	998	798	200	200		200	200				
2	Đường Kênh Dãy Óc nhỏ - khu phố I Vĩnh Thông	Vĩnh Thông	7819434	2129	29/10/2018	1.238	900	600	600		600	600				
3	Lắp mới hệ thống chiếu sáng thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 1)	TPRG	7881603	825	30/10/2020	3.000	2.580	420	420		420	420				
4	Lắp đặt chốt đèn giao thông thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 1)	TPRG	7903958	826	30/10/2020	2.500	2.000	1.500	1.500		1.500	1.500				
5	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước một số tuyến đường phường Rạch Sỏi	RS	7866063	776	29/10/2020	2.994	2.500	500	500		500	500				
6	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước một số tuyến đường phường Vĩnh Thanh Vân (Giai đoạn 1)	VTV	7866060	771	28/10/2020	4.722	153	2.000	2.000		2.000	2.000				
7	Đường Trần Hữu Độ (từ đường Ngô Thì Sỹ đến đường Trương Định)	AB	7866061	287	05/05/2022	1.365	578	600	600		600	600				
8	Cống kết hợp cầu Bờ Tre đường Nguyễn Biểu, phường Vĩnh Lợi	Vĩnh Lợi	7952536	824	12/11/2021	1.784	1.400	300	300		300	300				
9	Đường Rạch Chát 3 và đường Tổ 6, Tổ 7, Tổ 11 khu phố Thông Chữ, phường Vĩnh Hiệp	Vĩnh Hiệp	7941398	820	12/11/2021	5.000	1.600	3.000	3.000		3.000	3.000				
10	Cầu ngang kênh Rạch Giá - Long Xuyên, xã Phi Thông	Xã Phi Thông		823	12/11/2021	20.000	-	2.000	2.000	-	2.000	2.000	-			Đối ứng 2000trđ
11	Nâng cấp đường RG -Long Xuyên (tà ngạn) Phi Thông	Phi Thông	7826096	1126	26/10/2019	14.021	8.662	2.000	2.000	-	-	-	-		-2.000	
12	Công viên F21, đường Lê Chân, phường Vĩnh Lạc	Vĩnh Lạc	7752968	1110	30/10/2018	1.350	166	1.000	1.000		1.000	1.000				

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Mã số công trình	QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ			Luỹ kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Kế hoạch năm 2023 Điều chỉnh lần 1			Chênh lệch		Ghi chú
				Số quyết định	Ngày ký	Tổng vốn		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tăng (+)	Giảm (-)	
									Chuyển tiếp	Bố trí mới		Chuyển tiếp	Bố trí mới			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=10+11*	*10*	*11*	*12=13+14*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
13	Công viên C22 đường Lê Văn Hưu	Vĩnh Lạc	7837105	1423	30/10/2019	5.064	-	3.000	3.000		3.000	3.000				
	b) Trụ sở cơ quan					**13.235**	**8.525**	**3.313**	**3.313**	-	**3.313**	**3.313**	-			
1	Trụ sở khu phố 8 phường An Hòa	An Hòa				1.200	-	1.000	1.000		1.000	1.000				
2	Sửa chữa trụ sở Ban chỉ huy Quân sự thành phố Rạch Giá	Vĩnh Quang	7943306	830	12/11/2021	2.500	1.032	1.400	1.400		1.400	1.400				
3	Kho tạm giữ phương tiện, tang vật vi phạm hành chính	Vĩnh Quang	7945683	846	15/11/2021	1.614	71	429	429		429	429				Đối ứng 500trđ
4	Sửa chữa các trụ sở cơ quan trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 1)	TPRG	7886618	822;	30/10/2020	4.765	4.500	250	250		250	250				
5	Nhà ở Huấn luyện Quân sự, GD kiến thức Quốc phòng	Vĩnh Quang		897	19/09/2022	3.156	2.922	234	234		234	234				Đối ứng 234trđ
	c) Văn hoá - Y Tế					**6.200**	**2.654**	**3.100**	**3.100**	-	**3.100**	**3.100**	-			
1	Trung tâm VHTT liên phường Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang	VQ	7891417	833	30/10/2020	5.000	2.054	2.500	2.500		2.500	2.500				
2	Sửa chữa Trạm Y tế phường Vĩnh Hiệp và phường Vĩnh Lạc	TPRG	7939326	813	11/11/2021	1.200	600	600	600		600	600				
	d) Môi trường					**2.998**	**1.813**	**1.000**	**1.000**	-	**1.000**	**1.000**	-			
1	Sửa chữa hố ga trên địa bàn thành phố Rạch Giá	TPRG	7891416	785	30/10/2020	2.000	1.089	800	800		800	800				
2	Đấu nối thoát nước kênh 31 tại vị trí cống số 1, 2, 3 đường Trần khánh Dư	AH	7868391	786	30/10/2020	998	724	200	200		200	200				
	2) Công trình bố trí mới					**61.200**	-	**33.467**	-	**33.467**	**33.467**	-	**33.467**			
	a) Giao thông - công cộng					**5.500**	-	**4.000**	-	**4.000**	**4.000**	-	**4.000**			
1	Cầu kênh Rọc Lá đường Nguyễn Biểu, phường Vĩnh Lợi	Vĩnh Lợi				1.500	-	1.000		1.000	1.000		1.000			
2	Cầu Cao Thắng (từ đường Cao Thắng qua đường Lê Minh Xuân)	Vĩnh Lợi				2.000	-	1.500		1.500	1.500		1.500			
3	Cầu kênh Rọc Lá (từ đường Nguyễn Văn Nhị qua đường Trần Nguyên Hãn)	Vĩnh Lợi				2.000	-	1.500		1.500	1.500		1.500			
	b) Trụ sở cơ quan					**5.300**	-	**4.267**	-	**4.267**	**4.267**	-	**4.267**			

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Mã số công trình	QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ			Luỹ kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Kế hoạch năm 2023 Điều chỉnh lần 1			Chênh lệch		Ghi chú
				Số quyết định	Ngày ký	Tổng vốn		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tăng (+)	Giảm (-)	
									Chuyển tiếp	Bố trí mới		Chuyển tiếp	Bố trí mới			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=10+11*	*10*	*11*	*12=13+14*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Sửa chữa các trụ sở cơ quan trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 2)	TPRG				3.000	-	2.767		2.767	2.767		2.767			- S/c Đài truyền Thanh; BCHQS Vĩnh Lạc, UBND xã Phi Thông, Khối vận Vĩnh Thanh
2	Sửa chữa các trụ sở khu phố trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 2)	TPRG				2.300	-	1.500		1.500	1.500		1.500			-S/c KP1,2,4,5 (An Hòa); KP4 (VQ); KP Đông Hồ, Nguyễn Trung Trực, Lê Thị Hồng Gấm (VT)
	c) Văn hoá - Y Tế					**5.800**	-	**3.200**	-	**3.200**	**3.200**	-	**3.200**			
1	Xây dựng Nhà văn hoá kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	Phi Thông				4.000		2.000		2.000	2.000		2.000			
2	Sửa chữa Trạm Y tế phường Vĩnh Thông và Trạm Y tế phường Vĩnh Bảo	TPRG				1.200		600		600	600		600			
3	Sửa chữa Trạm Y tế phường Vĩnh Lợi	Vĩnh Lợi				600		600		600	600		600			
	d) Môi trường					**15.000**	-	**7.500**	-	**7.500**	**7.500**	-	**7.500**			
1	Cống thoát nước ngang lộ đường Nguyễn Trung Trực (giao lộ đường Chi Lăng, đường Nguyễn An Ninh, đường Lạc Hồng, đường Đống Đa)	Vĩnh Bảo, Vĩnh Lạc				8.000		4.000		4.000	4.000		4.000			
2	Đường, hệ thống thoát nước Kênh Giữa (từ Trần Khánh Dư đến Trần Văn Giàu)	An Hoà				4.000		2.000		2.000	2.000		2.000			
3	Đường, Hệ thống thoát nước đường cặp trường Mẫu Giáo Hương Sen (từ đường Cao Thắng đến Km0+350)	Vĩnh Lợi				3.000		1.500		1.500	1.500		1.500			
	e) Giáo dục					**29.600**	-	**14.500**	-	**14.500**	**14.500**	-	**14.500**			
1	Xây dựng Hàng rào, sân nền các điểm trường trên địa bàn thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 2)	TPRG				4.000		2.500		2.500	2.500		2.500			
2	Xây dựng Hàng rào, các điểm trường trên địa bàn thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 3)	TPRG				3.700		2.500		2.500	2.500		2.500			
3	Sửa chữa các phòng học trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 2)	TPRG				4.300		2.500		2.500	2.500		2.500			

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Mã số công trình	QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ			Luỹ kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023			Kế hoạch năm 2023 Điều chỉnh lần 1			Chênh lệch		Ghi chú
				Số quyết định	Ngày ký	Tổng vốn		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tăng (+)	Giảm (-)	
									Chuyển tiếp	Bố trí mới		Chuyển tiếp	Bố trí mới			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=10+11*	*10*	*11*	*12=13+14*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
4	Trường tiểu học Nguyễn Hiền	Vĩnh Quang				6.600		3.000		3.000	3.000		3.000			
5	Trường THCS Chu Văn An	Vĩnh Lạc				11.000		4.000		4.000	4.000		4.000			
B	**NÂNG CẤP HẺM**					**2.000**	-	**2.000**	-	**2.000**	**4.000**	-	**4.000**	**2.000**		
1	Nâng cấp hẻm các phường trên địa bàn thành phố	TPRG				2.000		2.000		2.000	4.000		4.000	2.000		
C	**Nguồn thu từ phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất (Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)**					**56.600**	**40.400**	**8.500**	-	**8.500**	**8.500**	-	**8.500**			
1	Nhà làm việc Thành ủy Rạch Giá	Vĩnh Bảo		43	18/04/2022	56.600	40.400	8.500		8.500	8.500		8.500			Đối ứng NS tỉnh
II	**NGUỒN THU ĐẤU GIÁ QSDĐ TUYẾN ĐƯỜNG ĐÊ BIỂN**					**1.993.895**	**363.865**	**41.500**	**41.500**	-	**41.500**	**41.500**	-	**1.500**	**-1.500**	
1	Tuyến đường đê biển đoạn qua thành phố Rạch Giá	Vĩnh Thanh - Vĩnh Quang	7478784	1095	14/5/2019	428.111	361.165	10.000	10.000		10.000	10.000				Đối ứng NSTW
2	Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MDR-UUP) - Tiểu dự án thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	TPRG	7279447	2093 2257 540	23/8/2013 24/9/2020 01/3/2023	1.405.784					1.500	1.500		1.500		Đối ứng NSTW
3	Hệ thống cấp điện ngầm và lát vỉa hè Tuyến đường đê biển (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến cống số 1)	Vĩnh Quang	7977678	325	18/05/2022	40.000	700	21.500	21.500		20.000	20.000			-1.500	
4	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ tây kênh Ông Hiển (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá).	Vĩnh Bảo	7969114	2035	17/08/2022	120.000	2.000	10.000	10.000		10.000	10.000				
III	**NGUỒN THU SDĐ HTKT CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ**					**320.040**	**164.564**	**40.000**	**40.000**		**40.000**	**40.000**				
1	Bồi thường chi phí hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Nam An Hoà, phường An Hoà	An Hoà		984	31/12/2021	136.886	123.939	5.000	5.000		5.000	5.000				
2	Bồi thường chi phí hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư lấn biển Tây Bắc, phường Vĩnh Quang	Vĩnh Quang		983	31/12/2021	183.154	40.625	35.000	35.000		35.000	35.000				